TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2025/DS-PT
Ngày 31-3-2025
V/v Tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tài;

Bà Ngô Thị Bích Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quốc Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Nữ – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 776/2024/TLPT-DS ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp đòi tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 137/2025/QĐ-PT, ngày 18 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 170/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 210/2025/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1979 và bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1983; cùng địa chỉ thường trú: số B, tổ A, khu A, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ liên hệ: SAV.8-9.12, Chung cư T, B M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T2, sinh năm 1999; địa chỉ thường trú: tổ C, khu phố A, B, thị xã H, tỉnh Bình Định; địa chỉ liên hệ: SAV.8-9.12, Chung cư T, B M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo uỷ quyền (Văn bản ủy quyền ngày 05/6/2024); có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Bùi Thị H, sinh năm: 1961; địa chỉ thường trú: số A P, tổ B, khu phố B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm: 1988; địa chỉ thường trú: thôn P, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; địa chỉ liên hệ: số F, hẻm F, đường V, khu phố E, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 03/8/2024); có đơn xin vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Bùi Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Kim T1 và bà Bùi Thị H có mối quan hệ quen biết nhau. Bà H tự giới thiệu có mối quan hệ quen biết với cán bộ địa chính và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T, tỉnh Bình Dương nên có khả năng nhận làm các thủ tục giấy tờ hồ sơ về nhà đất.

Ngày 29/5/2020, ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị Kim T1 và bà Bùi Thị H thỏa thuận với nhau về việc thực hiện thủ tục đất đai. Bà H cam kết thực hiện được thủ tục tách thửa và cập nhật đường đi đối với các thửa đất số 571, 575 tờ bản đồ số 23 toạ lạc tại ấp E, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương do ông T, bà T1 là chủ sử dụng đất. Phí dịch vụ làm thủ tục đất đai đối với thửa đất này là 260.000.000 đồng, thời hạn thực hiện là 03 tháng. Bà H đã nhận đủ số tiền 260.000.000 đồng, gồm nhận tiền mặt và chuyển khoản đã được bà H thừa nhận tại Biên nhận cam kết ngày 05/4/2021. Tuy nhiên, sau khi nhận được tiền bà H không thực hiện được công việc đã cam kết. Vì vậy, ngày 05/4/2021, bà H lập văn bản xác nhận có nợ ông T, bà T1 số tiền 260.000.000 đồng là khoản tiền đã nhận của ông T, bà T1 để làm thủ tục đất đai và cam kết trả lại cho ông T, bà T1 trong thời hạn 01 tháng. Thế nhưng đến nay, bà H mới chỉ trả được cho ông T, bà T1 số tiền 20.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 02/12/2022 trả 10.000.000 đồng; ngày 20/12/2022 trả số tiền 10.000.000 đồng. Như vậy, hiện nay bà H còn nợ ông T, bà T1 số tiền là 240.000.000 đồng. Ông T, bà T1 đã nhiều lần liên hệ yêu cầu bà H phải trả số tiền còn lại nhưng bà H vẫn không trả. Nay ông T, bà T1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Bùi Thị H phải thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho ông T và bà T1 số tiền nợ gốc 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi chậm trả là 35.856.000 đồng (được tạm tính từ ngày 20/12/2022 đến ngày 20/6/2024, ngày Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là: 240.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 18 tháng = 35.856.000 đồng). Tổng cộng là: 275.856.000 đồng (hai trăm bảy mươi lăm triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn đồng), trả một lần ngay khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật. Nếu bà H có thiện chí thỏa thuận và đồng ý trả hết số tiền gốc 240.000.000 đồng thì ông T, bà T1 đồng ý không yêu cầu tính lãi.

Ông T giải thích lý do tại sao Biên nhận cam kết ngày 05/04/2021 ghi "Trừ chi phí làm ra sổ còn lại 250.000.000 đồng" là vì lúc này ông T, bà T1 và bà H thỏa thuận bằng lời nói là nếu bà H đồng ý trả lại số tiền 250.000.000 đồng trong thời hạn 01 tháng thì ông T, bà T1 đồng ý giảm cho bà H 10.000.000 đồng nên mới ghi trong Biên nhận cam kết ngày 05/4/2021 là còn lại 250.000.000

đồng. Do bà H không thực hiện đúng cam kết nên nguyên đơn yêu cầu bà H phải trả đủ số tiền 260.000.000 đồng đã nhận, bà H đã trả được 20.000.000 đồng nên hiện nay tiền nợ gốc còn lại là 240.000.000 đồng.

Đối với Hợp đồng ủy quyền ngày 19/6/2020 do phía bị đơn cung cấp thì nguyên đơn có ý kiến như sau: Ngày 19/6/2020, ông T ủy quyền cho bà H liên hệ cơ quan có thẩm quyền để nộp hồ sơ và nhận kết quả: Đo đạc lại diện tích, chỉnh lý, đính chính, cập nhật đường đi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đóng các loại thuế, phí đối với quyền sử dụng đất theo giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 187391 (số vào sổ cấp GCN:CS 16013) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/7/2019 cho ông Nguyễn Đức T. Đối với hợp đồng ủy quyền này ông T và bà H không thỏa thuận thù lao. Ông T cũng không giao nhận tiền (không trả thù lao) gì với bà H đối với Hợp đồng ủy quyền này. Hiện nay, hợp đồng ủy quyền này đã chấm dứt, ông T không có tranh chấp gì với bà H liên quan đến hợp đồng uỷ quyền nêu trên.

2. Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ngày 29/5/2020, vợ chồng ông Nguyễn Đức T và bà Bùi Thị H thỏa thuận thực hiện thủ tục hành chính đất đai đối với thửa đất số 571 và 575 tờ bản đồ số 23, tại ấp E, phường V, thành phố T, bao gồm: Tách thửa thành 4 số (thửa mới) và cập nhật đường đi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Tổng chi phí thực hiện công việc là 260.000.000 đồng. Quá trình thực hiện công việc, bà H đã thực hiện được ½ công việc theo yêu cầu của ông T, bà H đã làm thủ tục tách thửa và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nêu trên. Tuy nhiên, việc cập nhật đường đi đang được thực hiện nhưng phía ông Nguyễn Đức T yêu cầu chấm dứt. Xét thấy, bà Bùi Thị H đã thực hiện được ½ khối lượng công việc như là đã thực hiện xong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mới đối với 02 thửa đất trên trước khi bà H viết biên nhận cam kết trả tiền cho ông T, bà T1 vào ngày 05/4/2021. Còn việc không cập nhật được đường đi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do quy định pháp luật không phải bị đơn không thực hiện hợp đồng. Nay nguyên đơn khởi kiện đòi lại toàn bộ số tiền bị đơn đã nhận là không phù hợp. Bởi lẽ: Bị đơn đã thực hiện ½ khối lượng công việc, cũng đã hao tổn chi phí, công sức để thực hiện công việc. Vì vậy, bị đơn chỉ đồng ý trả lại ½ số tiền nêu trên là 120.000.000 đồng. Tuy nhiên, trên tinh thần thiện chí thương lượng thì bà H đề nghị phía ông T, bà T1 giảm bớt cho bà H số tiền khoảng 70.000.000 đồng thì bà H đồng ý trả số tiền còn lại là khoảng 170.000.000 đồng.

Thực chất trong tổng số tiền mà bà H nhận 260.000.000 đồng để làm thủ tục đất đai cho ông T, bà T1 là bao gồm cả việc thực hiện thủ tục đất đai theo hợp đồng ủy quyền ngày 19/6/2020 đối với một thửa đất khác, cụ thể: Ngày 19/6/2020, ông T ủy quyền cho bà H liên hệ cơ quan có thẩm quyền để nộp hồ sơ và nhận kết quả: Đo đạc lại diện tích, chỉnh lý, đính chính, cập nhật đường đi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đóng các loại thuế, phí đối với quyền sử dụng đất theo giấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 187391 (số vào sổ cấp GCN: CS 16013) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày

29/7/2019 cho ông Nguyễn Đức T. Đối với hợp đồng ủy quyền này, ông T và bà H không thoả thuận thù lao. Tuy nhiên, trong tổng số tiền 260.000.000 đồng mà bà H đã nhận của ông T và bà T1 là bao gồm tiền dịch vụ thù lao đối với thỏa thuận thực hiện thủ tục hành chính đất đai đối với thửa đất số 571 và 575 tờ bản đồ số 23, tại ấp E, phường V, thành phố T, bao gồm: Tách thửa thành 4 sổ (thửa mới) và cập nhật đường đi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất này và thù lao theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 19/6/2020. Mặc dù trong hợp đồng này không ghi chi phí thù là bao nhiêu nhưng thực tế là bà H nhận phí dịch vụ là 100.000.000 đồng đối với hợp đồng ủy quyền ngày 19/6/2020 và 150.000.000 đồng đối với thỏa thuận thực hiện thủ tục hành chính đất đai đối với thửa đất số 571 và 575 tờ bản đồ số 23, tại ấp E, phường V, thành phố T. Mặc dù theo các biên nhận ngày 29/5/2020 và ngày 05/4/2021 bà H ghi nhận số tiền 260.000.000 đồng, nhưng thực tế chỉ nhận số tiền 250.000.000 đồng, gồm nhận tiền mặt và chuyển khoản. Tuy nhiên, bà H không có chứng cứ chứng minh đối với vấn đề này. Hiện nay, Hợp đồng ủy quyền ngày 19/6/2020 đã chấm dứt, ông T và bà H không có tranh chấp gì liên quan đến Hợp đồng ủy quyền nêu trên.

Bà H thừa nhận Biên nhận ngày 29/5/2020, ngày 05/4/2021 là do bà H viết và ký tên. Theo biên nhận cam kết ngày 05/4/2021, bà H có cam kết trả lại số tiền 250.000.000 đông (đã trừ đi phí làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Do tại thời điểm này chưa làm được thủ tục cập nhật đường đi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông T, bà T1 cứ hối thúc nên bà H vì tự ái và bực tức nên mới viết Biên nhận cam kết ngày 05/4/2021 là trả lại cho ông T, bà T1 số tiền 250.0000.000 đồng. Sau khi viết Biên nhận cam kết ngày 05/4/2021 thì bà H có trả cho ông T, bà T1 số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 02/12/2022 trả 10.000.000 đồng và ngày 20/12/2022 trả số tiền 10.000.000 đồng như ông T, bà T1 trình bày.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Kim T1 về việc "Tranh chấp đòi tài sản" đối với bị đơn bà Bùi Thị H.

Buộc bà Bùi Thị H có trách nhiệm trả cho ông Nguyên Đức T3 và bà Nguyễn Thị Kim T1 số tiền 282.496.000 đồng (hai trăm tám mươi hai triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng), trong đó nợ gốc: 240.000.000 đồng (hai trăm bốn mươi triệu đồng); tiền lãi là 42.496.000 đồng (bốn mươi hai triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 11 tháng 11 năm 2024 người đại diện hợp pháp của bị đơn Bùi Thị H là ông Phạm Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm, đại diện bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Nhận thấy, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với người đại diện hợp pháp của bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Biên nhận ngày 29/5/2020 do nguyên đơn cung cấp thể hiện nội dung: "*Tôi tên Bùi Thị H…tôi có nhận làm hồ sơ đất cho em Nguyễn Đức T…thửa đất số 575, tờ bản đồ số 23; thửa số 571, tờ bản đồ số 23… yêu cầu của em T được chị H tách ra 04 cuốn sổ cập nhật đường đi… thời hạn 03 tháng…Tổng chi phí 260.000.000 đồng…Nếu sau 03 tháng…*". Và theo Biên nhận cam kết ngày 05/4/2021, thể hiện nội dung: *"Tôi tên Bùi Thị H… có nợ lại số tiền làm sổ đất cho vợ chồng em T và em T1 số tiền 260.000.000 đồng…Hẹn 01 tháng sẽ hoàn trả lại…*). Như vậy, có căn cứ khẳng định thỏa thuận về việc thực hiện thủ tục tách thửa đối với các quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 575, 571 tờ bản đồ số 23 tại ấp E, phường V, thị xã (nay là thành phố), tỉnh Bình Dương giữa ông T, bà T1 và bà H đã chấm dứt. Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bà Bùi Thị H thừa nhận chữ ký, chữ viết trong các Giấy biên nhận ngày 29/5/2020 và Biên nhận cam kết ngày 05/4/2021 nêu trên là do bà H viết và ký tên nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm ký xác nhận các biên nhận nêu trên bà H có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung các giấy biên nhận, biên nhận cam kết không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, phát sinh hiệu lực đối với các bên. Nội dung Biên nhận cam kết ngày 05/4/2021 có thỏa thuận thời hạn trả tiền cụ thể nhưng đến hạn trả tiền bà Bùi Thị H không trả lại khoản tiền nợ

như đã cam kết, do bà H vi phạm nghĩa vụ trả tiền nên ông T, bà T1 có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H thừa nhận hiện nay bà H còn nợ ông T, bà T1 số tiền 240.000.000 đồng. Tuy nhiên bà H cho rằng, quá trình thực hiện thủ tục tách thửa và cập nhật đường đi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà H đã tiến hành thực hiện được ½ khối lượng công việc, cũng đã tốn chi phí, công sức để thực hiện công việc và chỉ đồng ý trả lại số tiền 120.000.000 đồng hoặc 170.000.000 đồng. Xét thấy, qua sao lục hồ sơ cập nhật thay đổi đối với thửa đất số 575, 571 tờ bản đồ số 23 tọa lại phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương thì không thể hiện bà H là người thực hiện thủ tục tách thửa đối với quyền sử dụng đất nêu trên. Lời trình bày của bà H không được ông T, bà T1 chấp nhận và bà H cũng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh lời trình bày của mình có căn cứ. Hơn nữa, tại Biên nhận cam kết ngày 05/4/2021, bà H đã xác nhận và cam kết sẽ trả lại số tiền đã nhận làm thủ tục tách thửa và cập nhật đường đi đối với quyền sử dụng đất của ông T, bà T1. Bà H cam kết 01 tháng sẽ hoàn trả lại tiền. Nhưng đến ngày 20/12/2022, bà H mới chỉ trả được cho ông T, bà T1 số tiền 20.000.000 đồng. Số tiền còn nợ là 240.000.000 đồng. Do đó, bà ông T, bà T1 khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị H phải trả số tiền nợ gốc còn lại 240.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 166 của Bộ luật Dân sự.

[2.2] Về tiền lãi: Mặc dù các bên không thỏa thuận lãi suất về việc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng do bà H vi phạm nghĩa vụ trả tiền và chiếm giữ số tiền còn nợ là 240.000.000 đồng từ khi bà H cam kết trả tiền đến nay là không có căn cứ làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông T, bà T1. Vì vậy, ông T, bà T1 yêu cầu bà Bùi Thị H phải trả tiền lãi đối với khoản tiền nợ 240.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,83% (tương đương lãi suất cho vay) tính từ ngày 20/12/2022 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử ngày 30/9/2024 theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự là phù hợp nên được chấp nhận. Cụ thể: Bà Bùi Thị H phải trả tiền lãi tính từ ngày 20/12/2022 đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm ngày 30/9/2024 là 21 tháng 10 ngày theo mức lãi suất 0,83% đối với số tiền 240.000.000 đồng x 0,83% x 21 tháng 10 ngày = 42.496.000 đồng.

Tổng cộng, bà Bùi Thị H phải trả cho ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị Kim T1 số tiền 282.496.000 đồng, trong đó nợ gốc: 240.000.000 đồng và tiền lãi là 42.496.000 đồng.

Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là phù hợp nên không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị H.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật. Do bà Bùi Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà H được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 212/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Bùi Thị H được miễn án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thị Thanh Tuyền